

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo tài chính hợp nhất	02-29
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	02-03
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	04-05
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	06-07
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	08-29

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		428,102,279,171	136,581,556,875
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	43,516,028,919	10,717,816,844
111	1. Tiền		43,516,028,919	10,717,816,844
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	3	362,000,000	362,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		362,000,000	362,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		248,342,337,246	44,131,451,883
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	102,338,079,385	36,498,793,771
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	117,814,290,509	7,532,955,112
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	28,189,967,352	99,703,000
140	IV. Hàng tồn kho	7	124,995,954,931	65,267,810,884
141	1. Hàng tồn kho		124,995,954,931	65,267,810,884
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10,885,958,075	16,102,477,264
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	8,417,937,710	9,878,335,614
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		2,468,020,365	6,224,141,650
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		149,756,369,934	177,703,853,702
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2,600,000,000	45,000,000,000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	2,600,000,000	45,000,000,000
220	II. Tài sản cố định		144,371,265,902	131,090,397,473
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	142,657,353,402	129,077,931,639
222	- Nguyên giá		187,148,180,980	166,078,530,435
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(44,490,827,578)	(37,000,598,796)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		839,895,834	963,645,834
225	- Nguyên giá		990,000,000	990,000,000
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(150,104,166)	(26,354,166)
227	3. Tài sản cố định vô hình		874,016,666	1,048,820,000
228	- Nguyên giá		1,048,820,000	1,048,820,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(174,803,334)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	4,199,065,498	24,020,705
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4,199,065,498	24,020,705
260	VI. Tài sản dài hạn khác		(1,413,961,466)	1,589,435,524
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	952,216,226	1,575,346,753
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.a	760,252,437	80,941,275
269	3. Lợi thế thương mại		(3,126,430,129)	(66,852,505)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		577,858,649,105	314,285,410,577

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		404,913,451,426	155,948,533,758
310	I. Nợ ngắn hạn		391,808,932,926	154,645,358,428
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	212,992,375,244	41,053,388,627
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	38,590,193,691	40,838,036,945
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	11,829,120,893	10,994,439,971
314	4. Phải trả người lao động		3,177,593,777	4,421,318,818
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	22,695,990,738	6,934,200,071
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	102,017,567,283	49,837,882,696
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		506,091,300	566,091,300
330	II. Nợ dài hạn		13,104,518,500	1,303,175,330
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	13,104,518,500	1,303,175,330
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		172,945,197,679	158,336,876,819
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	172,945,197,679	158,336,876,819
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80,000,000,000	80,000,000,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80,000,000,000	80,000,000,000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1,698,273,899	1,698,273,899
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		80,141,912,980	65,653,112,364
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		57,061,288,239	34,133,566,569
421b	LNST chưa phân phối năm nay		23,080,624,741	31,519,545,795
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		11,105,010,800	10,985,490,556
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		577,858,649,105	314,285,410,577


Lại Thị Thu Hà
Người lập

Nguyễn Xuân Trường
Kế toán trưởngLê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý II năm 2021		Quý II năm 2020		Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021		Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	282,300,324,997	99,514,625,899	530,631,788,886	124,199,722,852				
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	1,018,325,156	457,268,409	4,093,441,669	913,225,124				
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		281,281,999,841	99,057,357,490	526,538,347,217	123,286,497,728				
11	4. Giá vốn hàng bán	18	247,129,280,664	79,990,192,207	463,117,633,925	96,280,676,355				
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		34,152,719,177	19,067,165,283	63,420,713,292	27,005,821,373				
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	426,304,755	621,096,498	429,582,202	649,571,160				
22	7. Chi phí tài chính	20	2,609,711,665	951,387,129	4,221,990,885	1,763,171,617				
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2,605,964,970	940,755,820	4,218,244,190	1,752,540,308				
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-	-	-				
25	9. Chi phí bán hàng	21	11,999,275,946	4,791,584,371	21,292,338,536	7,779,185,385				
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	7,039,385,452	5,075,306,324	8,348,303,886	8,801,978,224				
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12,930,650,869	8,869,983,958	29,987,662,187	9,311,057,307				
31	12. Thu nhập khác		308,634	359	49,267,870	359				
32	13. Chi phí khác		293,029,199	85,500,000	553,398,615	199,500,000				
40	14. Lợi nhuận khác		(292,720,565)	(85,499,641)	(504,130,745)	(199,499,641)				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021

50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12,637,930,304	8,784,484,317	29,483,531,442	9,111,557,666
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3,347,039,949	1,789,245,219	6,296,182,709	1,968,592,860
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(487,065,594)	(17,365,617)	(642,723,124)	(107,756,775)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>9,777,955,949</u>	<u>7,012,604,715</u>	<u>23,830,071,857</u>	<u>7,250,721,581</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	9,332,508,719	6,952,987,878	23,080,624,741	7,187,342,155
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	445,447,230	59,616,837	749,447,116	63,379,426
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	869	2,885	898

Lại Thị Thu Hà
Người lập

Nguyễn Xuân Trường
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤTQuý II năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)




Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		29,483,531,442	9,111,557,666
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10,549,806,407	5,352,656,165
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(427,676,956)	(649,571,160)
06	- Chi phí lãi vay		4,218,244,190	1,752,540,308
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		43,823,905,083	15,567,182,979
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(135,731,744,279)	(22,560,844,798)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(59,728,144,047)	7,207,829,593
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		183,043,406,292	17,080,398,828
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2,083,528,431	139,037,319
14	- Tiền lãi vay đã trả		(4,218,244,190)	(1,752,540,308)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4,295,699,090)	(1,048,735,686)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(2,264,365,199)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		24,977,008,200	12,367,962,728
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(94,378,334,338)	(21,832,135,095)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		42,400,000,000	8,500,000,000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		427,676,956	649,571,160
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(51,550,657,382)	(12,682,563,935)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		130,603,301,695	36,823,492,683
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(67,231,440,438)	(35,101,329,237)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4,000,000,000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		59,371,861,257	1,722,163,446

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Quý II năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2021	Từ 01/01/2020
			đến 30/06/2021	đến 30/06/2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		32,798,212,075	1,407,562,239
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10,717,816,844	4,893,673,795
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>43,516,028,919</u>	<u>6,301,236,034</u>


Lại Thị Thu Hà
Người lập
Nguyễn Xuân Trường
Kế toán trưởng
Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Quý II năm 2021***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 19 tháng 12 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 80,000,000,000 đồng; tương đương 8,000,000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các loại bánh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mứt kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2021 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Chế biến Nông Sản Thực phẩm Hồng Hà	Hà Nội	90.00%	90.00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan	TP.Hồ Chí Minh	91.07%	94.56%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP sản xuất xuất nhập khẩu Thành Nam	Bình Phước	49.33%	49.33%	Sản xuất và xuất khẩu hạt điều

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: ... %

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	13,576,192,148	6,175,452,168
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29,939,836,771	4,542,364,676
	<u>43,516,028,919</u>	<u>10,717,816,844</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
CN Hà Nội - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	52,990,707	-	1,250,159,108	-
CN Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce	159,515,385	-	662,747,892	-
Công ty Cổ phần Á Long	1,346,770,285	-	-	-
CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM	4,361,614,590	-	3,064,113,530	-
BELTAMAZHIL IYA LTD	17,893,358,700	-	10,375,490,036	-
GUANGXI WEIMIAO	2,881,945,378	-	2,907,516,793	-
ANWAR TRADES	2,243,298,000	-	5,006,358,000	-
Công ty cổ phần thương mại Bách Hóa Xanh	1,876,028,624	-	1,398,402,713	-
Công ty cổ phần ABG Việt Nam	19,330,300,000	-	-	-
Công ty TNHH Chế biến nông sản thực phẩm Hồng Hà	2,977,049,226	-	-	-
Công ty TNHH SX TM DV Hướng Dương Milk Tea Fresh	28,165,089,500	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	21,050,118,990	-	11,834,005,699	-
	102,338,079,385	-	36,498,793,771	-
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	1,346,770,285	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Bala Việt Nam	20,741,479,000	-	3,619,802,500	-
Công ty CP đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp	18,389,910,000	-	-	-
Công ty TNHH Libra Việt Nam	3,000,000,000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	3,000,000,000	-	-	-
Công ty CP ĐTPT DV TM - chợ truyền thống Việt Nam	24,002,250,000	-	-	-
Công ty TNHH MTV SX TM XNK Hoài Châu	36,374,770,400	-	-	-
Trả trước khác	12,305,881,109	-	3,913,152,612	-
	117,814,290,509	-	7,532,955,112	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021**6 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Ký cược, ký quỹ	27,000,000	-	27,000,000	-
ZELENTY	6,517,761,459	-	-	-
LLC	4,214,078,000	-	-	-
BELTAMAZHV				
Phải thu khác	17,431,127,893	-	72,703,000	-
	28,189,967,352	-	99,703,000	-
b) Dài hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công Nghệ - Thiết kế Việt Nam (*)	2,600,000,000	-	45,000,000,000	-
	2,600,000,000	-	45,000,000,000	-

(*) Đây là khoản tiền Công ty Cổ phần Liên doanh Sản xuất Bảo Ngọc Thái Lan góp vốn hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Công nghệ - Thiết kế Việt Nam để cùng thực hiện dự án "Bảo tồn và Phát triển làng nghề truyền thống Sơn Đồng".

7 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	69,603,252,451	-	42,654,617,278	-
Công cụ, dụng cụ	186,398,191	-	334,718,191	-
Thành phẩm	587,673,573	-	936,461,696	-
Hàng hoá	54,618,630,716	-	21,342,013,719	-
	124,995,954,931	-	65,267,810,884	-

8 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	4,199,065,498	24,020,705
- Dự án phần mềm SAP	2,120,416,667	-
- Dự án khác	2,078,648,831	24,020,705
	4,199,065,498	24,020,705

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	65,026,900,303	92,201,109,224	7,494,636,363	1,055,454,545	300,430,000	166,078,530,435
- Mua trong năm	-	20,364,586,000	675,064,545	30,000,000	-	21,069,650,545
Số dư cuối năm	65,026,900,303	112,565,695,224	8,169,700,908	1,085,454,545	300,430,000	187,148,180,980
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	21,224,157,861	12,788,359,662	2,589,706,014	261,768,957	136,606,302	37,000,598,796
- Khấu hao trong năm	3,207,896,238	3,620,352,456	549,548,123	87,304,673	25,127,292	7,490,228,782
Số dư cuối năm	24,432,054,099	16,408,712,118	3,139,254,137	349,073,630	161,733,594	44,490,827,578
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	43,802,742,442	79,412,749,562	4,904,930,349	793,685,588	163,823,698	129,077,931,639
Tại ngày cuối năm	40,594,846,204	96,156,983,106	5,030,446,771	736,380,915	138,696,406	142,657,353,402

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2,846,089,764	1,742,879,444
Chi phí bảo hiểm	44,195,257	97,701,853
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	4,900,220,779	7,874,483,055
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	627,431,910	163,271,262
	<u>8,417,937,710</u>	<u>9,878,335,614</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	802,223,123	1,304,383,158
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	-	250,986,880
Chi phí trả trước dài hạn khác	149,993,103	19,976,715
	<u>952,216,226</u>	<u>1,575,346,753</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà	10,616,597,916	10,616,597,916	9,472,216,637	9,472,216,637
Công ty TNHH Thực phẩm Bột mì CJ Việt Nam	-	-	2,971,045,500	2,971,045,500
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hương Dương Milk Tea Fresh	34,158,838,880	34,158,838,880	-	-
Công ty CP đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp	-	-	6,405,779,490	6,405,779,490
Công ty TNHH XNK Hoài Châu	67,942,677,200	67,942,677,200	2,979,147,200	2,979,147,200
Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc	2,977,049,226	2,977,049,226	-	-
Công ty CP Á Long	3,496,496,600	3,496,496,600	-	-
Công ty TNHH MTV Đại Liên	10,800,000,000	10,800,000,000	-	-
Công ty TNHH XNK nông sản Phước Long	8,080,000,000	8,080,000,000	-	-
Công ty Cổ phần Nafoods Group	16,382,001,200	16,382,001,200	-	-
Công ty Cổ phần ABG Việt Nam	19,420,225,000	19,420,225,000	-	-
Phải trả các đối tương khác	39,118,489,222	39,118,489,222	19,225,199,800	19,225,199,800
	212,992,375,244	212,992,375,244	41,053,388,627	41,053,388,627

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021**12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Công ty TNHH SX TM DV Hường Dương Milk Tea Fresh	-	1,032,935,500
R&D PATHAN TRADING LIMITER PARTNERSHIP	2,194,161,532	2,175,575,832
ALI SULAIMAN ALSHEHRI TRADING CO	1,487,793,347	1,487,793,347
ASLAM TRADERS	1,203,666,775	1,203,666,775
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT HOÀNG CHÂU	1,300,010,000	1,300,010,000
LTD DARTEHPLYUS STR KALINOVSKOGO	5,885,389,843	-
Trả trước khác	26,519,172,194	33,638,055,491
	<u><u>38,590,193,691</u></u>	<u><u>40,838,036,945</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2,995,879,604	1,895,526,833	3,110,803,280	-	1,780,603,157	-	-	-	1,780,603,157
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	7,890,218,007	6,023,640,733	4,023,157,114	-	9,890,701,626	-	-	-	9,890,701,626
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	141,725,000	141,725,000	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	108,342,360	177,756,390	128,282,640	-	157,816,110	-	-	-	157,816,110
Các loại thuế khác	-	-	11,000,000	11,000,000	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	539,767,633	539,767,633	-	-	-	-	-	-
	-	10,994,439,971	8,789,416,589	7,954,735,667	-	11,829,120,893	-	-	-	11,829,120,893

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 28)

13 . PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	VND	VND	VND	VND
- Kinh phí công đoàn		2,235,000	-	-
- Bảo hiểm xã hội	644,439,595	337,325,950	337,325,950	337,325,950
- Bảo hiểm y tế	78,846,273	32,898,996	32,898,996	32,898,996
- Bảo hiểm thất nghiệp	33,698,176	14,621,776	14,621,776	14,621,776
- Ngộ Thành Nam	6,500,000,000	6,500,000,000	6,500,000,000	6,500,000,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15,436,771,694	49,353,349	49,353,349	49,353,349
	22,695,990,738	6,934,200,071	6,934,200,071	6,934,200,071

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021

14 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	39,761,990,666	39,761,990,666	119,411,675,195	61,675,352,328	97,498,313,533	97,498,313,533
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	33,218,339,981	33,218,339,981	53,978,146,012	54,011,923,751	33,184,562,242	33,184,562,242
- Ngân hàng TMCP Quân đội	994,409,501	994,409,501	995,980,186	994,409,501	995,980,186	995,980,186
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	329,722,178	329,722,178	-	329,722,178	-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	2,997,222,006	2,997,222,006	-	2,997,222,006	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	-	-	49,998,925,911	-	49,998,925,911	49,998,925,911
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2,222,297,000	2,222,297,000	14,438,623,086	3,342,074,892	13,318,845,194	13,318,845,194
Nợ dài hạn đến hạn trả	10,075,892,030	10,075,892,030	1,812,411,500	7,369,049,780	4,519,253,750	4,519,253,750
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7,864,755,030	7,864,755,030	453,626,500	6,292,508,780	2,025,872,750	2,025,872,750
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	151,200,000	151,200,000	75,600,000	75,600,000	151,200,000	151,200,000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	1,768,542,000	1,768,542,000	884,271,000	884,271,000	1,768,542,000	1,768,542,000
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	291,395,000	291,395,000	194,710,000	116,670,000	369,435,000	369,435,000
- Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	-	-	204,204,000	-	204,204,000	204,204,000
	49,837,882,696	49,837,882,696	121,224,086,695	69,044,402,108	102,017,567,283	102,017,567,283
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5,291,274,860	5,291,274,860	544,626,500	4,263,655,110	1,572,246,250	1,572,246,250
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	593,800,000	593,800,000	-	75,600,000	518,200,000	518,200,000
- Ngân hàng TMCP Quân đội	4,285,654,500	4,285,654,500	-	884,271,000	3,401,383,500	3,401,383,500
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM	194,710,000	194,710,000	-	194,710,000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	10,218,000,000	-	10,218,000,000	10,218,000,000
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhhan Việt Nam	-	-	429,000,000	35,750,000	393,250,000	393,250,000
- Nợ thuế tài chính dài hạn	799,733,000	799,733,000	-	102,102,000	697,631,000	697,631,000
	11,165,172,360	11,165,172,360	11,191,626,500	5,556,088,110	16,800,710,750	16,800,710,750

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021**15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Á Long	9.41%	7,525,000,000	18.81%	15,050,000,000
Ông Lê Đức Thuận	36.06%	28,850,360,000	36.06%	28,850,360,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstru	0.79%	628,000,000	5.88%	4,700,000,000
Các cổ đông khác	53.75%	42,996,640,000	39.25%	31,399,640,000
	100%	80,000,000,000	100%	80,000,000,000

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80,000,000,000	80,000,000,000
- Vốn góp đầu kỳ	80,000,000,000	80,000,000,000
- Vốn góp cuối kỳ	80,000,000,000	80,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-

c) Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8,000,000	8,000,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	8,000,000	8,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	8,000,000	8,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8,000,000	8,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	8,000,000	8,000,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

d) Các quỹ công ty

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1,698,273,899	1,698,273,899
	1,698,273,899	1,698,273,899

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Doanh thu bán thành phẩm	225,588,318,654	98,838,068,037
Doanh thu bán hàng hóa	298,466,404,001	21,175,563,504
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6,577,066,231	4,186,091,311
	530,631,788,886	124,199,722,852

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021**17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3,127,077,986	-
Hàng bán bị trả lại	966,363,683	913,225,124
	4,093,441,669	913,225,124

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	195,241,913,977	77,783,809,542
Giá vốn của hàng hóa đã bán	265,169,311,561	18,496,866,813
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2,706,408,387	-
	463,117,633,925	96,280,676,355

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	427,676,956	649,571,160
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1,905,246	-
	429,582,202	649,571,160

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	4,218,244,190	1,752,540,308
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3,746,695	-
Chi phí tài chính khác	-	10,631,309
	4,221,990,885	1,763,171,617

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	19,481,965	1,134,090
Chi phí nhân công	9,497,168,663	3,687,170,109
Chi phí khấu hao tài sản cố định	635,817,636	461,014,302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,850,994,657	2,874,518,392
Chi phí khác bằng tiền	1,288,875,615	755,348,492
	21,292,338,536	7,779,185,385

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	428,044,532	443,442,875
Chi phí nhân công	3,518,756,318	2,474,000,422
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,679,234,270	2,720,231,542
Thuế, phí, lệ phí	359,133,053	155,116,021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,666,995,108	2,407,729,580
Lợi thế thương mại	(2,024,732,131)	(6,877,243)
Chi phí khác bằng tiền	720,872,736	608,335,027
	8,348,303,886	8,801,978,224

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6,296,182,709	1,968,592,860
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6,296,182,709	1,968,592,860

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	760,252,437	80,941,275
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	760,252,437	80,941,275

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	23,080,624,741	7,187,342,155
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	23,080,624,741	7,187,342,155
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8,000,000	8,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,885	898

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43,516,028,919	-	10,717,816,844	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	133,128,046,737	-	81,598,496,771	-
Đầu tư ngắn hạn	362,000,000	-	362,000,000	-
	177,006,075,656	-	92,678,313,615	-
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			115,122,085,783	51,141,058,026
Phải trả người bán, phải trả khác			235,688,365,982	47,987,588,698
			350,810,451,765	99,128,646,724

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43,516,028,919	-	-	43,516,028,919
Phải thu khách hàng, phải thu khác	130,528,046,737	2,600,000,000	-	133,128,046,737
	<u>174,044,075,656</u>	<u>2,600,000,000</u>	<u>-</u>	<u>176,644,075,656</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10,717,816,844	-	-	10,717,816,844
Phải thu khách hàng, phải thu khác	36,598,496,771	45,000,000,000	-	81,598,496,771
	<u>47,316,313,615</u>	<u>45,000,000,000</u>	<u>-</u>	<u>92,316,313,615</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2021				
Vay và nợ	102,017,567,283	13,104,518,500	-	115,122,085,783
Phải trả người bán, phải trả khác	235,688,365,982	-	-	235,688,365,982
	<u>337,705,933,265</u>	<u>13,104,518,500</u>	<u>-</u>	<u>350,810,451,765</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý II năm 2021**Tại ngày 01/01/2021**

Vay và nợ	49,837,882,696	1,303,175,330	-	51,141,058,026
Phải trả người bán, phải trả khác	47,987,588,698	-	-	47,987,588,698
	97,825,471,394	1,303,175,330	-	99,128,646,724

27 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

28 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 14.)

Giao dịch phát sinh trong năm:


Mối quan hệ	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm	
	2021	2020	
	VND	VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,224,336,623	2,462,701,749	
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	1,224,336,623	2,462,701,749
Mua hàng hóa, dịch vụ	3,905,906,000	10,094,175,000	
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	3,905,906,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Homeconstruct	Thành viên góp vốn	-	10,094,175,000


Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

Mối quan hệ	30/06/2021	01/01/2021	
	VND	VND	
Phải thu ngắn hạn khách hàng	1,346,770,285	-	
Công ty Cổ phần Á Long	Thành viên góp vốn	1,346,770,285	-


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
	2021	2020
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	553,231,632	182,040,682


Lại Thị Thu Hà
Người lập


Nguyễn Xuân Trường
Kế toán trưởng




Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2021